

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Khuyên

2. Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

Nơi ĐKKH: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh V

Nơi ở hiện nay: Thôn R, xã X, huyện L, tỉnh V (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hà Duy A, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh V (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 16/02/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Hà Duy A kết hôn ngày 17/9/2012, trước khi cưới có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lập Thạch. Kết hôn xong, chị về sống chung cùng gia đình anh A. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh A có quan hệ với người phụ nữ khác, đánh đập chị và anh A là người nghiện ma túy, bị Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xử phạt 2 năm 8 tháng tù vào năm 2019. Kể từ khi anh A đi chấp hành án vợ chồng không quan tâm đến nhau. Đến tháng 10/2021, anh A chấp hành án xong thì vợ chồng chị cũng ly thân nhau từ đó cho đến nay, vợ chồng chị có hòa giải, dàn xếp nhưng không thành. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Duy A.

Con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Hà Huyền T1, sinh ngày 03/4/2013 và Hà Thu H, sinh ngày 12/8/2015. Hiện nay các con đang ở cùng anh A. Ly hôn, chị xin nuôi 2 con và không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết

Bị đơn là anh Hà Duy A quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt, nhưng tại Bản tự khai ngày 14/3/2022, anh A trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Kết hôn xong chị T về chung sống cùng gia đình anh được vài tháng thì gia đình cho vợ chồng ra ăn riêng, nhưng vẫn ở chung nhà với bố mẹ anh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Việc chị T trình bày anh chơi bời là việc của trước đây, còn bây giờ anh đã tu chí làm ăn. Vợ chồng anh ly thân nhau từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Nay anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, nguyện vọng của anh là mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, còn chị T vẫn quyết định ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Như chị T trình bày là đúng, nhưng anh từ chối trình bày quan điểm về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh Hà Duy A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của chị T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Anh Hà Duy A đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hà Duy A. Về con chung: giao cho chị T và anh A mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 1 con chung. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: các bên không đề nghị nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án là anh Hà Duy A có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn anh Hà Duy A vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là anh Hà Duy Anh nhưng anh Hà Duy Anh vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duy A là cuộc hôn nhân tiền bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không bảo ban được nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Hơn nữa, do anh A chơi bời, nghiện ma túy và năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xử phạt 2 năm 8 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, kể từ đó tình cảm vợ chồng dần nứt, mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng anh chị ly thân nhau từ tháng 10/2021 cho đến nay.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh A đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau và có thời gian ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay nên làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể

kéo dài. Anh Hà Duy A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc chị T xin ly hôn nhưng anh A cố tình vắng mặt, không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đã trực tiếp đến tại nhà anh A để làm việc, quan điểm của anh A là mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị T quyết định ly hôn anh cũng đồng ý. Điều đó, phần nào thể hiện anh A không thực tâm, không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung và không yêu cầu anh A phải đóng góp nuôi con chung cùng của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của các bên là như nhau. Mặc dù anh A không có quan điểm về con chung, nhưng hiện nay anh A vẫn đang có mặt tại địa phương, có chỗ ở ổn định (đang chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ ở thôn B, xã T, huyện L). Do vậy, cần giao cho mỗi người nuôi 1 con chung. Cháu Hà Thu H, sinh năm 2015 nhỏ tuổi hơn cháu Hà Huyền T1, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thu H và giao cho anh A trực tiếp nuôi cháu Hà Huyền T1, sinh năm 2013. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hà Duy A.

2. Xử về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hà Thu H, sinh ngày 12/8/2015; giao cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hà Huyền T1, sinh ngày 03/4/2013. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006157 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Nga